

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2021/TLST – HNGĐ ngày 18/01/2021 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Đăng P1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 27/14 Đường L, Tổ G, Khu phố B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Huỳnh Thanh P2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 27/14 Đường L, Tổ G, Khu phố B, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 cùng cư trú tại Quận M, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. HCM.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 xác lập quan hệ hôn nhân năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận hôn nhân số 60, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/10/2000 – Bản chính đã bị thất lạc).

Quá trình chung sống bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 phát sinh mâu thuẫn, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ vào bản sao trích lục khai sinh số 149, Quyền số 01/2002 đăng ký ngày 12/7/2002 tại UBND thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Tp. HCM và Giấy khai sinh số 207, Quyền số 01/2009 đăng ký ngày 20/6/2009 tại UBND phường H, Quận M, Tp. HCM và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 có 02 (hai) người con chung, họ tên là Huỳnh Lê Thanh T1, sinh ngày 02/7/2002 (đã trưởng thành) và Huỳnh Lê Thy T2 (nữ), sinh ngày 13/06/2009.

Các đương sự thỏa thuận giao trẻ Huỳnh Lê Thy T2 cho bà Lê Đăng P1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Huỳnh Thanh P2 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 05/2021, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 xác nhận không có tài sản chung, nên không xét.

[5] Về nợ chung: Bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 xác nhận không có nợ chung, nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh P2 và bà Lê Đăng P1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 60, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/10/2000 – Bản chính đã bị thất lạc).

1.2. Về con chung: Ông Huỳnh Thanh P2 và bà Lê Đăng P1 có hai con chung họ và tên Huỳnh Lê Thanh T1, sinh ngày 02/7/2002 và Huỳnh Lê Thy T2 (nữ), sinh ngày 13/06/2009.

Giao trẻ Huỳnh Lê Thy T2 cho bà Phụng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Thanh P2 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cấp dưỡng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng vào tháng 5/2021 cho đến có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 118 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Huỳnh Thanh P2 chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Huỳnh Thanh P2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Huỳnh Thanh P2 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Đăng P1 và ông Huỳnh Thanh P2 không có tài sản chung, không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh P2 và bà Lê Đăng P1 chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0042225 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Thanh P2 và bà Lê Đăng P1 sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND phường Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Loan).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Như H